

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA VIỄN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ - ST

Ngày 18/9/2024.

V/v: "Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông Đinh Xuân Tường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Xuân Ninh.

2. Ông Hoàng Quốc Trị.

Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Viễn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc: "Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: anh Trần Hồng G, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: thôn M, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt), anh G vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 01 năm 2024 và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: chị và anh Trần Hồng G được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình vào ngày 09/01/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được

một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung với nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Cả hai đã nhiều lần tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng sống không còn thương yêu, tôn trọng nhau nữa. Đến đầu năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh để sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm không còn nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn giải quyết được ly hôn với anh Trần Hồng G.

Về con chung: chị T và anh G có với nhau một con chung tên là Trần Ngọc Q, sinh ngày 08/10/2020, hiện nay cháu Q đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản và công nợ chung: chị T không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tổng đạt các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh G vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 04/6/2024, bà Tạ Thị X-Trưởng thôn Mai T1 nơi anh G đang cư trú cho biết: anh Trần Hồng G và chị Lê Thị T có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã G, huyện G. Sau khi kết hôn, anh G và chị T cùng chung sống với gia đình anh G tại thôn M, xã G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm sống, tính cách trái ngược nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Đến đầu năm 2023 thì chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Hà Tĩnh để sinh sống và vợ chồng anh G, chị T sống ly thân với nhau từ đó tới nay. Xác định tới nay mâu thuẫn vợ chồng giữa anh G và chị T đã đến mức trầm trọng, cơ hội vợ chồng về đoàn tụ với nhau là rất thấp nên đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Về con chung giữa anh G và chị T có một con chung là cháu Trần Ngọc Q, sinh ngày 08/10/2020, hiện cháu Q đang ở cùng với chị T, cháu Q còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên đề nghị Tòa án xem xét tiếp tục giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Hiện anh G đăng ký hộ khẩu thường trú và làm ăn sinh sống tại địa phương. Việc anh G không đến Tòa án làm việc là quyền của anh G, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm quá trình giải quyết vụ án:

- Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị: xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Hồng G. Về con chung hiện nay cháu Trần Ngọc Q đang ở cùng với chị T rất ổn định, cháu Q còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu Trần Ngọc Q cho chị Lê Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T.

Về án phí: chị Lê Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Hồng G có đăng ký thường trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Trần Hồng G là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống với nhau tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Chị T khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, chị không còn yêu thương anh G nữa. Bản thân anh G không có mặt tại Tòa án để làm việc mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó chứng tỏ anh G không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Trần Hồng G đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T. Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Hồng G là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị Lê Thị T và anh Trần Hồng G có với nhau một con chung tên là Trần Ngọc Q, sinh ngày 08/10/2020, hiện nay cháu Q đang ở cùng với chị T rất ổn định. Mặt khác cháu Q còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, bản thân anh G không có thiện chí trong việc hàn gắn gia đình nên không đảm bảo việc nuôi con. Vì vậy cần giao cháu Trần Ngọc Q cho chị Lê Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Trần Hồng G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Hồng G.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Hồng G.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Trần Ngọc Q cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trần Hồng G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T.

3. Về án phí: chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số 0000925, ngày 23/02/2024.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Ninh Bình;
- VKS huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS Gia Viễn;
- UBND xã Gia Vân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Xuân Tường